

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ
CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Văn Tường**.

2/ Ông **Tạ Quang Trung**.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền: Bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: TB, GX, PĐ, CT.

Địa chỉ liên hệ: BHN, KV6, BT, CT.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: TB, GX, PĐ, CT.

Bà T có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Hoàng N kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giai Xuân, Hện Phong Điền, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168/HT Quyền 1 ngày 14/9/2005.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bà T và ông N đã sống ly thân. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

Về con chung: Bà và ông N có hai con chung tên Nguyễn Hoàng D (N), sinh ngày 01/8/2006 và Nguyễn Ngọc Hoàng H (N), sinh ngày 10/8/2009. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông N được tiếp tục nuôi hai con chung, bà không cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Hoàng N nhiều lần để công khai chứng cứ, hòa giải và giải quyết vụ án theo thủ tục chung nhưng phía bị đơn ông N vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng N có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống bà T, ông N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất hòa, bà T và ông N đã sống ly thân nên hiện nay bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn. Phía ông N mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông N đều vắng mặt, cho thấy ông N cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T nữa, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở xem xét. Về con chung bà T, ông N có hai con chung là Nguyễn Hoàng D (N), sinh ngày 01/8/2006 và Nguyễn Ngọc Hoàng H (N), sinh ngày 10/8/2009. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông N được tiếp tục nuôi hai con chung, bà không cấp dưỡng nuôi hai con. Xét thấy, cháu D và cháu H đã trên 07 tuổi và có bản tự khai muốn sống chung với ông N, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để ông N tiếp tục nuôi hai con chung, về cấp dưỡng bà T không cấp dưỡng, ông N không có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, về tài sản chung và nợ chung: Tách ra

giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N, bà T đồng ý để ông N nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Theo xác minh của Công an xã Giai Xuân “*Đương sự Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1981; đăng ký thường trú: ấp Tân Bình, xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, hiện còn sinh sống tại ấp Tân Bình, xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ*”. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Hoàng N tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 14/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T trong thời gian chung sống vợ chồng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, bà T và ông N hiện nay đã sống ly thân. Nay bà T cho rằng không còn tình cảm với ông N, mục đích hôn nhân của bà T và ông N không đạt được nên bà có đơn xin ly hôn. Phía ông N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt cho thấy ông N cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có hai con chung tên Nguyễn Hoàng D (N), sinh ngày 01/8/2006 và Nguyễn Ngọc Hoàng H (N), sinh ngày 10/8/2009. Khi ly hôn, bà T đồng ý để ông N được tiếp tục nuôi hai con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi hai con. Xét thấy, cháu D và cháu H đã trên 07 tuổi và có bản tự khai muốn sống chung với ông N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để ông N tiếp tục nuôi hai con chung, về cấp dưỡng bà T không cấp dưỡng, ông N không có yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu sau này việc nuôi con chung có khó khăn về kinh tế, ông N có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ kiện khác.

Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai rằng không có tài sản chung và nợ chung nhưng do ông N vắng mặt nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 51,56, 69,71,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

- *Về con chung:* Giao hai cháu Nguyễn Hoàng D (N), sinh ngày 01/8/2006 và Nguyễn Ngọc Hoàng H (N), sinh ngày 10/8/2009 cho ông Nguyễn Hoàng N tiếp tục nuôi dưỡng, không buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi hai con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà T, không ai được quyền cản trở bà T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). CHèn tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007823 ngày 21/3/2023 thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương bị đơn được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và

9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THADS H. Phong Điền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà